

Không ghi vào  
khu vực này

## GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒  
(Đánh dấu X vào ô tương ứng)

**Mẫu số C1- 02/NS**  
(ban hành kèm theo Thông tư số  
119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014  
của Bộ Tài Chính)  
Mã hiệu: AGRTAX2016  
Số: 2641761

Người nộp thuế: Công Ty Cổ Phần Môi Trường Đô Thị Đà Nẵng

Địa chỉ: 471 Núi Thành - Phường Hòa Cường Nam

Huyện: Quận Hải Châu

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Huyện:

Đề nghị NH (KBNN): Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam  
hoặc thu tiền mặt để:

Nộp vào cho NSNN ☒

TK tạm thu(1) ☐

TK thu hồi quỹ hoàn thuế GTGT(2) ☐

Tại KBNN: VP KBNN Đà Nẵng

Tỉnh, TP: Thành phố Đà Nẵng

Mở tại NHTM ủy nhiệm thu:

Tỉnh, TP:

Trường hợp nộp theo kết luận của CQ có thẩm quyền(3):

trích TK số: 2000311010215

Kiểm toán NN ☐

Thanh tra TC ☐

Thanh tra CP ☐

CQ có thẩm quyền khác ☐

Tại cơ quan quản lý thu: Cục thuế Thành phố Đà Nẵng

Mã CQ thu: 1054323

Tờ khai HQ số(1):

ngày:

Loại hình XNK(1):

Mã CQ thu: 1054323

Phần dành cho NNT ghi khi nộp tiền vào NSNN			Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/KBNN ghi khi thu tiền(*)	
STT	Nội dung các khoản nộp NS	Số tiền	Mã NDKT	Mã chương
1	Phạt VPHC trong LVT do ngành Thuế TH, ko gồm VPHC đv LTTNCN; Kỳ: 04/2016.	189.474.266	4254	558
2	Tiền chậm nộp do ngành Thuế quản lý; Kỳ: 04/2016.	71.569.651	4911	558
Tổng tiền		261.043.917		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Hai trăm sáu mươi một triệu bốn mươi ba nghìn chín trăm mười bảy đồng

PHẦN KBNN GHI		
	Mã CQ thu:	Nợ TK:
	Mã ĐBHC:	Có TK:
	Mã nguồn NSNN:	



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG.



Ký điện tử bởi: Tổng Cục Thuế.



Ký điện tử bởi: TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM.

Không ghi vào  
khu vực này

**GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒  
(Đánh dấu X vào ô tương ứng)

**Mẫu số C1- 02/NS**  
(ban hành kèm theo Thông tư số  
119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014  
của Bộ Tài Chính)  
Mã hiệu: AGRTAX2016  
Số: 2641784

Người nộp thuế: Công Ty Cổ Phần Môi Trường Đô Thị Đà Nẵng

Địa chỉ: 471 Núi Thành - Phường Hòa Cường Nam

Huyện: Quận Hải Châu

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Huyện:

Đề nghị NH (KBNN): Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

hoặc thu tiền mặt để:

Nộp vào cho NSNN ☒

TK tạm thu(1) ☐

TK thu hồi quỹ hoàn thuế GTGT(2) ☐

Tại KBNN: VP KBNN Đà Nẵng

Mở tại NHTM ủy nhiệm thu:

Trường hợp nộp theo kết luận của CQ có thẩm quyền(3):

Kiểm toán NN ☐

Thanh tra TC ☐

Thanh tra CP ☐

CQ có thẩm quyền khác ☐

Tại cơ quan quản lý thu: Cục thuế Thành phố Đà Nẵng

Tờ khai HQ số(1):

ngày:

Mã CQ thu: 1054323

Loại hình XNK(1):

Phần dành cho NNT ghi khi nộp tiền vào NSNN			Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/KBNN ghi khi thu tiền(*)	
STT	Nội dung các khoản nộp NS	Số tiền	Mã NDKT	Mã chương
1	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước; Ký: 04/2016.	209.962.027	1701	558
2	Thuế thu nhập DN của các đơn vị không hạch toán toàn ngành; Ký: 04/2016.	124.616.575	1052	558
Tổng tiền		334.578.602		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Ba trăm ba mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm linh hai đồng

PHẦN KBNN GHI		
	Mã CQ thu:	Nợ TK:
	Mã ĐBHC:	Có TK:
	Mã nguồn NSNN:	



Ký điện tử bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG.



Ký điện tử bởi: Tổng Cục Thuế.



Ký điện tử bởi: TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM.



TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TP ĐÀ NẴNG

Số: 1554/QĐ-CT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 4 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn

**CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ**

CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG	
Số: 286	Ngày: 25/4/2016
Chuyến: 120	

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

Căn cứ Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn;

Căn cứ Thông tư số 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính về thuế;

Căn cứ Quyết định số 5452/QĐ-CT ngày 31/12/2015 của Cục trưởng Cục Thuế TP Đà Nẵng về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế;

Căn cứ kiến nghị tại Biên bản thanh tra thuế ký ngày 12/4/2016, Báo cáo kết quả thanh tra thuế ngày 13/4/2016 của trưởng Đoàn thanh tra theo quyết định số 207/QĐ-CT ngày 26/01/2016 của Cục trưởng Cục Thuế TP Đà Nẵng về việc thanh tra thuế năm 2014, năm 2015 (đến 30/9/2015) tại Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng (nay là Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng);

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Kiểm tra thuế số 2,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Xử phạt vi phạm hành chính về thuế và hóa đơn đối với Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng (nay là Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng), mã số thuế: 0400228640; địa chỉ: 471 Núi Thành, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

Với hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng như sau:

**1/ Hình thức xử phạt, mức xử phạt:**

1.1 Phạt 20% trên số tiền thuế truy thu đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp, số tiền phạt là: **45.026.084 đồng** theo quy định tại Điều 107 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và khoản 33 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế.

1.2 Phạt 01 lần thuế trên số tiền thuế truy thu đối với hành vi sử dụng bất hợp pháp hóa đơn để kê khai thuế dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp, số tiền phạt là: **109.448.182 đồng** (thuế GTGT: 54.724.091 đồng; thuế TNDN: 54.724.091 đồng) theo khoản 1b, Điều 11, Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm



2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế (do Công ty vi phạm lần đầu)

1.3 Xử phạt hành vi sử dụng bất hợp pháp hóa đơn, với số tiền: **35.000.000 đồng** theo quy định tại khoản 2, Điều 39 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.

**2/ Biện pháp khắc phục hậu quả:**

2.1 Truy thu thuế với số tiền là: **334.578.602 đồng** theo quy định tại Điều 107 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và khoản 33 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; trong đó:

+ Thuế GTGT: **209.962.027 đồng**; cụ thể:

Năm 2014: 164.115.209 đồng; năm 2015: 45.846.818 đồng

+ Thuế TNDN: **124.616.575 đồng**; cụ thể:

Năm 2014: 78.769.757 đồng; năm 2015: 45.846.818 đồng.

2.2 Tính tiền chậm nộp trên số tiền thuế truy thu với số tiền là: **71.569.651 đồng** (tính đến ngày 12/4/2015, kèm theo bảng tính chi tiết tiền chậm nộp) theo khoản 1, Điều 41 Thông tư số 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính.

Công ty tự xác định tiền chậm nộp tiền thuế từ ngày 13/4/2016 đến ngày đơn vị thực nộp vào NSNN theo quy định tại khoản 1, Điều 41 Thông tư số 166/2013/TT-BTC ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính.

Tổng cộng số tiền thuế truy thu, phạt và tiền chậm nộp phải nộp qua thanh tra là: **595.622.519 đồng** (Bằng chữ: Năm trăm chín mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm mười chín đồng).

2.3 Giảm lỗ so với số kê khai của Công ty (năm 2014): 12.002.968.218 đồng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định này Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng (nay là Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng) có trách nhiệm nộp số tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp ghi tại Điều 1 vào Ngân sách Nhà nước theo tài khoản 7111 của Cục Thuế thành phố Đà Nẵng mở tại Kho Bạc Nhà nước Đà Nẵng, chi tiết như sau:

1. Đối với số tiền thuế truy thu, (theo điểm 2.1, Điều 1): **334.578.602 đồng**.

+Tiền thuế GTGT: Chương 558, Tiểu mục 1701, số tiền: **209.962.027 đồng**

+Tiền thuế TNDN: Chương 558, Tiểu mục 1052, số tiền: **124.616.575 đồng**

2. Đối với số tiền phạt (theo Điều 1): **189.474.266 đồng**.

+Tiền phạt : Chương 558, Tiểu mục 4254, số tiền: 189.474.266 đồng

3. Số tiền chậm nộp tiền thuế (theo điểm 2.2 Điều 1): **71.569.651 đồng**

+Tiền chậm nộp tiền thuế: Chương 558, Tiểu mục 4911, số tiền: 71.569.651 đồng.

Quá thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này, Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng (nay là Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng) không chấp hành quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.



Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng (nay là Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng) có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

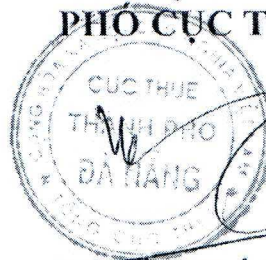
**Điều 3.** Quyết định này được gửi đến:

1. Giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng (nay là Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng) để chấp hành Quyết định xử phạt.
2. Kho Bạc Nhà nước Đà Nẵng để thu tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp.
3. Trưởng phòng Kiểm tra thuế số 2, Trưởng phòng Kế khai và Kế toán thuế, Trưởng phòng Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế để theo dõi thực hiện. *MT*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Phòng THNVDT (để biết);
- Lưu: VT, KTT2 (02b).

**KT.CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Kiều Thế Phong**







**BIÊN BẢN THANH TRA THUẾ**  
**Tại: Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng**

Căn cứ Quyết định số 207/QĐ-CT ngày 26/01/2016 của Cục Thuế TP Đà Nẵng về việc Thanh tra thuế tại Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng (nay là Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng); Mã số thuế 0400228640; Địa chỉ: 471 Núi Thành, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ vào Báo cáo Tài chính năm, Quyết toán thuế, các Tờ khai thuế, sổ sách kế toán, hóa đơn, chứng từ có liên quan đến nội dung thanh tra do cơ sở kinh doanh xuất trình;

Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng;

Thời kỳ thanh tra: từ tháng 01/2014 đến tháng 09/2015 ( thời điểm cổ phần hóa);

Thời gian thanh tra: ngày kể từ ngày công bố Quyết định thanh tra.

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 00 ngày / /2016, tại Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng (gọi tắt là Công ty), chúng tôi gồm có:

**1. Đoàn Kiểm tra thuộc Cục Thuế TP Đà Nẵng:**

- |                           |               |
|---------------------------|---------------|
| - Ông: Nguyễn Văn Thành   | - Trưởng đoàn |
| - Bà: Đinh Thị Ánh Nguyệt | - Phó đoàn    |
| - Bà: Đồng Thị Mỹ Dung    | - Thành viên  |

**2. Đại diện Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng (nay là Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng):**

- |                    |                  |
|--------------------|------------------|
| - Ông: Đặng Đức Vũ | - Tổng giám đốc  |
| - Ông: Đỗ Văn Tài  | - Kế toán trưởng |

Lập Biên bản xác nhận kết quả thanh tra như sau:

**I/- ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP:**

Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng được chuyển đổi từ Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng theo quyết định số 3950/QĐ-UBND ngày 26/5/2010 của UBND thành phố Đà Nẵng. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400228640 ngày 24/6/2010 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Ngành nghề kinh doanh: Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải hàng hải, chất thải nguy hại, phế thải xây dựng và hầm cầu. Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, công rãnh, ao hồ đầm, trên sông, ven biển, xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, ao, vịnh biển và bờ biển. Xử lý các loại nước thải, nước nhiễm bẩn, nhiều dầu. Xây dựng, sửa chữa, nạo vét mương cống, công trình xử lý nước thải và tháo dỡ công trình xây dựng. Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh...

Hình thức hạch toán kế toán: Chứng từ ghi sổ

Đăng ký kê khai nộp thuế tại: Cục Thuế TP Đà Nẵng;

Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ;

Mục lục Ngân sách: Cấp 2 - Chương 405 - Loại 160 - Khoản 167;

Tài khoản giao dịch số 20003110110152 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn – Chi nhánh Đà Nẵng;



## II/ NỘI DUNG THANH TRA TẠI TRƯ SỞ CỦA CÔNG TY:

### 1. Năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

Stt	CHỈ TIÊU	SỐ KÊ KHAI CỦA CSKD	SỐ KIỂM TRA	CHÊNH LỆCH
<b>A</b>	<b>THUẾ GTGT</b>			
1	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	0	0	0
2	Thuế GTGT của HH, DV mua vào phát sinh trong kỳ	6.305.240.965	6.305.240.965	0
3	Thuế GTGT của HH, DV mua vào được khấu trừ	6.305.240.965	6.123.707.246	-181.533.719
4	Thuế GTGT của HH, DV bán ra	15.887.993.975	15.935.087.313	47.093.338
5	Đ/c thuế GTGT bán ra kỳ trước	0	0	0
6	Thuế GTGT nộp vãng lai	0	0	0
7	<b>Xác định nghĩa vụ thuế phải nộp</b>			
a	Thuế GTGT phải nộp	9.582.753.010	9.811.380.067	228.627.057
b	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết	0	0	0
c	Thuế GTGT đề nghị hoàn	0	0	0
d	Thuế GTGT đã được hoàn trong năm	0	0	0
e	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau	0	0	0
<b>B</b>	<b>THUẾ TNDN</b>			
1	Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	160.502.411.234	160.502.411.234	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		0	0
	Trong đó: giảm giá hàng bán		0	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	68.621.831	68.621.831	0
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ	172.501.881.938	169.603.250.730	-2.898.631.208
	Giá vốn hàng bán	163.058.377.814	160.336.146.606	-2.722.231.208
	CP bán hàng		0	0
	CP quản lý doanh nghiệp	9.443.504.124	9.267.104.124	-176.400.000
5	Chi phí tài chính	86.451.476	86.451.476	0
	Trong đó: CP lãi tiền vay dùng cho SXKD	73.587.058	73.587.058	0
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-12.017.300.349	-9.118.669.141	2.898.631.208
7	Thu nhập khác	21.019.091	21.019.091	0
8	Chi phí khác	6.686.960	6.686.960	0
9	Lợi nhuận khác	14.332.131	14.332.131	0
10	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	-12.002.968.218	-9.104.337.010	2.898.631.208
11	Điều chỉnh tăng LN trước thuế		0	
12	Điều chỉnh giảm LN trước thuế		0	
13	Tổng TN chịu thuế	-12.002.968.218	-9.104.337.010	2.898.631.208
14	Lỗ từ HĐSXKD được chuyển trong kỳ	0	0	0
15	Thuế TNDN phải nộp	0	0	0
<b>C</b>	<b>CÁC LOẠI THUẾ KHÁC</b>			
1	Thuế Môn bài	14.000.000	14.000.000	0
2	Thuế TNCN	203.115.957	203.115.957	0

### Nguyên nhân chênh lệch:

#### A/ Thuế GTGT:

1. Thuế GTGT đầu vào: Số kiểm tra giảm so với số Công ty kê khai: 181.533.719 đồng; do các nguyên nhân:



+Giảm thuế GTGT đầu vào của các hóa đơn chi phí tương ứng với doanh thu không chịu thuế phát sinh năm 2013, số tiền thuế: 170.031.284 đồng (có bảng kê chi tiết kèm theo).

+Giảm số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ: 2.625.162 đồng do phân bổ lại thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tương ứng với doanh thu (67.175.200 đồng) dịch vụ cung cấp cho các doanh nghiệp trong khu chế xuất (chịu thuế suất GTGT 0% ) nhưng không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

+Giảm số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ: 8.877.273 đồng, do sử dụng bất hợp pháp hóa đơn để kê khai khấu trừ thuế.

(có bảng kê tính chi tiết kèm theo).

**2.Thuế GTGT đầu ra:** Số kiểm tra tăng so với số Công ty kê khai: 47.093.338 đồng, tương ứng với doanh thu tính thuế: 470.933.380 đồng đối với hoạt động dịch vụ thu gom rác hàng hải, do không đảm bảo điều kiện áp dụng thuế suất GTGT 0% (Dịch vụ cung ứng phát sinh tại Việt nam (cảng Đà Nẵng), không có hợp đồng cung ứng dịch vụ, không đảm bảo chứng từ thanh toán qua **ngân hàng**).

Từ đó dẫn đến số thuế GTGT phải nộp tăng thêm qua kiểm tra: 228.627.057 đồng

#### **B/Thuế TNDN:**

Giảm chi phí sản xuất kinh doanh: 2.898.631.481 đồng; do các nguyên nhân:

+ Giảm giá vốn, với số tiền: 2.722.231.208 đồng; trong đó:

\* Giảm chi phí dịch vụ vệ sinh: 2.320.180.205 đồng tương ứng với doanh thu đã ghi nhận trong năm 2013;

\*Giảm chi phí tiền lương: 313.278.276 đồng,(khoản phải trả cho người lao động) do đến thời điểm nộp quyết toán thuế TNDN năm 2014, công ty chưa chi trả.

\*Giảm chi phí thuê ca máy, vận chuyển: 88.772.727 đồng, do Công ty sử dụng bất hợp pháp hóa đơn kê khai chi phí năm 2014

+ Giảm chi phí quản lý doanh nghiệp do giảm chi phí tiền lương của hội đồng thành viên không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất, với số tiền: 176.400.000 đồng (có bảng kê chi tiết kèm theo)

Từ các nguyên nhân nêu trên dẫn đến: Số lỗ qua kiểm tra giảm so với số kê khai của Công ty: 2.898.631.208 đồng

#### **C/ Về thuế Môn bài, thuế TNCN**

Qua thanh tra không có chênh lệch

### **2. Năm 2015 ( từ tháng 01/2015 đến 30/9/2015)**

**Đơn vị tính: Đồng**

Stt	CHỈ TIÊU	SỐ KÊ KHAI CỦA CSKD	SỐ KIỂM TRA	CHÈNH LỆCH
<b>A</b>	<b>THUẾ GTGT</b>			
1	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	0	0	0
2	Thuế GTGT của HH, DV mua vào phát sinh trong kỳ	4.272.063.268	4.272.063.268	0
3	Thuế GTGT của HH, DV mua vào được khấu trừ	4.272.063.268	4.238.097.394	-33.965.874
4	Thuế GTGT của HH, DV bán ra	13.273.918.464	13.292.100.569	18.182.105
5	Đ/c thuế GTGT bán ra kỳ trước	3.290.182	3.290.182	0
	Điều chỉnh tăng		0	0
	Điều chỉnh giảm	3.290.182	3.290.182	0
<b>6</b>	<b>Xác định nghĩa vụ thuế phải nộp</b>			<b>0</b>
<i>a</i>	Thuế GTGT phải nộp	8.998.565.014	9.050.712.993	52.147.979
<i>b</i>	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết	0	0	



c	Thuế GTGT đề nghị hoàn	0	0	0
d	Thuế GTGT đã được hoàn trong năm	0	0	0
e	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau	0	0	0
<b>THUẾ TNDN</b>				
1	Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	134.700.281.040	134.700.281.040	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		0	0
	Trong đó: giảm giá hàng bán		0	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	211.677.130	211.677.130	0
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ	134.386.213.478	134.064.599.828	-321.613.650
	Giá vốn hàng bán	127.380.491.079	127.058.877.429	-321.613.650
	CP bán hàng		0	0
	CP quản lý doanh nghiệp	7.005.722.399	7.005.722.399	0
5	Chi phí tài chính	33.608.613	33.608.613	0
	Trong đó: CP lãi tiền vay dùng cho SXKD	33.608.613	33.608.613	0
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	492.136.079	813.749.729	321.613.650
7	Thu nhập khác	0	0	0
8	Chi phí khác	0	0	
9	Lợi nhuận khác	0	0	0
10	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	492.136.079	813.749.729	-321.613.650
11	Điều chỉnh tăng LN trước thuế	155.941.257	155.941.257	0
12	Điều chỉnh giảm LN trước thuế	0	0	0
13	Tổng TN chịu thuế	648.077.336	969.690.986	-321.613.650
	Trong đó:			
	Thu nhập tính thuế 10% (Lĩnh vực xã hội hóa)	436.400.206	969.690.986	321.613.650
	Thu nhập tính thuế 22%	211.677.130	211.677.130	0
14	Lỗ từ HĐSXKD được chuyển trong kỳ			
15	Thuế TNDN phải nộp	90.208.989	122.370.354	32.161.365
<b>B</b>	<b>CÁC LOẠI THUẾ KHÁC</b>	<b>SỐ KÊ KHAI CỦA CSKD</b>	<b>SỐ KIỂM TRA</b>	<b>CHÊNH LỆCH</b>
1	Thuế Môn bài	17.000.000	17.000.000	0
2	Thuế TNCN	229.857.162	229.857.162	

### **Nguyên nhân chênh lệch:**

#### **A/ Thuế GTGT:**

**1. Thuế GTGT đầu vào:** Số kiểm tra giảm so với số Công ty kê khai: 33.965.874 đồng; do các nguyên nhân:

+Giảm số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ: 1.804.509 đồng do phân bổ lại thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tương ứng với doanh thu (56.782.000 đồng) dịch vụ cung cấp cho các doanh nghiệp trong khu chế xuất (chịu thuế suất GTGT 0% ) nhưng không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

+Giảm số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ: 32.161.365 đồng, do công ty sử dụng bất hợp pháp hóa đơn để kê khai khấu trừ thuế.

(có bảng kê tính chi tiết kèm theo).

**2. Thuế GTGT đầu ra:** Số kiểm tra tăng so với số Công ty kê khai: 18.182.105 đồng, tương ứng với doanh thu tính thuế: 181.821.050 đồng đối với hoạt động dịch vụ thu gom rác hàng hải, do không đảm bảo điều kiện áp dụng thuế suất GTGT 0% (Dịch



vụ cung ứng phát sinh tại Việt nam (cảng Đà Nẵng), không có hợp đồng cung ứng dịch vụ, không đảm bảo chứng từ thanh toán qua ngân hàng).

**B/Thuế TNDN:**

Giảm chi phí sản xuất kinh doanh: 321.613.650 đồng; do nguyên nhân:

+ Giảm giá vốn 321.613.650 đồng do giảm chi phí thuê ca máy, vận chuyển: 321.613.650 đồng Công ty sử dụng bất hợp pháp hóa đơn kê khai chi phí năm 2015

Từ các nguyên nhân nêu trên dẫn đến: Tổng thu nhập chịu thuế số kiểm tra tăng so với số Công ty kê khai: 321.613.650 đồng; thuế TNDN tăng tương ứng: 32.161.365 đồng.

**C/ Về thuế Môn bài, thuế TNCN**

Qua thanh tra không có chênh lệch.

**3. Thanh tra sau hoàn thuế TNCN:**

Trong năm 2014,2015 Công ty lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế Thu nhập cá nhân (TNCN) theo trường hợp: Công ty trả thu nhập thực hiện bù trừ số thuế nộp thừa, nộp thiếu của các cá nhân đã uỷ quyền cho Công ty quyết toán thay. Sau khi bù trừ có số thuế nộp thừa. Công ty đã được Cục Thuế Đà Nẵng giải quyết hoàn thuế theo Quyết định hoàn số 3115/QĐ-CT ngày 30/5/2014 (kỳ hoàn năm 2012), với số tiền: 37.758.237 đồng; Quyết định hoàn số 4563/QĐ-CT ngày 16/9/2014 (kỳ hoàn năm 2013), với số tiền: 139.876.612 đồng và Quyết định hoàn số 4106/QĐ-CT ngày 08/9/2015 (kỳ hoàn năm 2014), với số tiền: 35.900.261 đồng .

Qua thanh tra sau hoàn; xác định:

**3.1 Kỳ hoàn thuế TNCN năm 2012:**

Đơn vị tính: đồng

Stt	CHỈ TIÊU	SỐ KÊ KHAI	SỐ KIỂM TRA	CHÊNH LỆCH
1	Thuế TNCN đề nghị hoàn	37.758.237	37.758.237	0
2	Thuế TNCN được hoàn	37.758.237	37.758.237	0

Qua kiểm tra không có chênh lệch so với số thuế đã hoàn.

**3.2 Kỳ hoàn thuế TNCN năm 2013:**

Đơn vị tính: đồng

Stt	CHỈ TIÊU	SỐ KÊ KHAI	SỐ KIỂM TRA	CHÊNH LỆCH
1	Thuế TNCN đề nghị hoàn	139.876.612	139.876.612	0
2	Thuế TNCN được hoàn	139.876.612	139.876.612	0

Qua kiểm tra không có chênh lệch so với số thuế đã hoàn.

**3.3 Kỳ hoàn thuế TNCN năm 2014:**

Đơn vị tính: đồng

Stt	CHỈ TIÊU	SỐ KÊ KHAI	SỐ KIỂM TRA	CHÊNH LỆCH
1	Thuế TNCN đề nghị hoàn	139.876.612	139.876.612	0
2	Thuế TNCN được hoàn	139.876.612	139.876.612	0

Qua kiểm tra không có chênh lệch so với số thuế đã hoàn.

- Về đối tượng và trường hợp hoàn thuế TNCN: Công ty thuộc đối tượng hoàn thuế TNCN theo trường hợp Công ty trả thu nhập thực hiện bù trừ số thuế nộp thừa,



nộp thiếu của các cá nhân đã uỷ quyền cho Công ty quyết toán thay. Sau khi bù trừ có số thuế nộp thừa theo quy định tại khoản 5, Điều 28 Thông tư 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính và khoản 05, Điều 33, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

-Về hồ sơ đề nghị hoàn: Công ty đã lập đầy đủ hồ sơ đề nghị hoàn thuế TNCN đúng theo quy định tại Điều 46, Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/2/2011 và Điều 53, Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

### **III/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NSNN:**

#### **1.Năm 2014**

*Đơn vị tính: đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ			Số còn phải nộp cuối kỳ
			Số phải nộp	Số đã nộp	Số đã hoàn	
1	Thuế GTGT phải nộp	167.500.557	9.811.380.067	8.624.713.301		1.354.167.323
2	Thuế TNDN	72.397.929	0	72.397.929		0
3	Thuế TNCN	-22.538.319	203.115.957	320.234.214	177.634.849	37.978.273
4	Thuế Môn bài	0	14.000.000	14.000.000		0
5	Tiền thuê đất		435.447.200	435.447.200		0
6	Tiền phạt 4250-4254		9.348.045	9.348.045		0
7	Tiền chậm nộp 4900-4911		2.664.193	2.664.193		0
	<b>Tổng cộng</b>					1.392.145.596

#### **2.Năm 2015 ( từ tháng 01/2015 đến 30/9/2015)**

*Đơn vị tính: đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ			Số còn phải nộp cuối kỳ
			Số phải nộp	Số đã nộp	Số đã hoàn	
1	Thuế GTGT phải nộp	1.354.167.323	9.050.712.993	8.910.744.005		1.494.136.311
2	Thuế TNDN	0	122.370.354	70.000.000		52.370.354
3	Thuế TNCN	37.978.273	229.857.162	253.638.222	35.900.261	50.097.474
4	Thuế Môn bài	0	17.000.000	17.000.000		0
5	Tiền thuê đất		435.447.200	435.447.200		0
6	Tiền phạt 4250-4254		3.500.000	3.500.000		0
	<b>Tổng cộng</b>					<b>1.596.604.139</b>

Đến ngày 30/9/2015 Số thuế Công ty còn phải nộp Ngân sách nhà nước là: 1.596.604.139 đồng; cụ thể: thuế GTGT: 1.494.136.311 đồng; thuế TNDN: 52.370.354 đồng; thuế TNCN: 50.097.474 đồng; trong đó:

+ Số thuế truy thu qua thanh tra: 312.936.401 đồng; bao gồm:

- Thuế GTGT: 280.775.036 đồng
- Thuế TNDN: 32.161.365 đồng

+ Số thuế Công ty còn nợ:

- Thuế GTGT: 1.213.361.275 đồng
- Thuế TNDN: 20.208.989 đồng



- Thuế TNCN: 50.097.474 đồng
- Đến tháng 12/2015 Công ty đã nộp các khoản thuế nợ nêu trên vào NSNN

#### **IV/ KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:**

##### **1/ Kết luận:**

1.1/ Tình hình chấp hành chế độ kế toán: Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán theo qui định, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, sổ sách được in, lưu trữ theo đúng qui định.

1.2/ Tình hình quản lý sử dụng hoá đơn:

Qua kiểm tra việc sử dụng hoá đơn bán ra của đơn vị hầu hết hoá đơn lập theo đúng qui định. Đối với việc sử dụng hóa đơn đầu vào Công ty còn có sai phạm sau:

Công ty sử dụng bất hợp pháp hóa đơn để kê khai thuế GTGT, kê khai chi phí trên tờ khai quyết toán thuế TNDN từ đó dẫn đến xác định thiếu số thuế phải nộp là đã vi phạm quy định tại Điều 23, Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính quy định về việc in, phát hành, sử dụng, quản lý hoá đơn.

1.3/ Về việc kê khai thuế, nộp thuế:

a/ Thuế GTGT: Công ty thực hiện việc kê khai thuế hàng tháng, nộp thuế theo qui định; tuy nhiên Công ty còn có sai sót:

+Kê khai thuế GTGT đầu ra đối với hoạt động dịch vụ thu gom rác thải hàng hải tại cảng Đà Nẵng (Việt Nam) không đúng quy định (Công ty áp dụng thuế suất GTGT 0%; thuế suất theo quy định là 10%).

+Kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào (năm 2014) của các hóa đơn chi phí mua vào tương ứng với doanh thu không chịu thuế GTGT phát sinh năm 2013 và kê khai khấu trừ thuế GTGT đầu vào các hóa đơn mà cơ quan Công an kết luận là sử dụng bất hợp pháp hóa đơn.

Từ đó dẫn đến làm giảm số thuế phải nộp là đã vi phạm Điều 30 Luật Quản lý Thuế.

b/ Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Công ty thực hiện kê khai, quyết toán thuế theo qui định, tuy nhiên việc kê khai, quyết toán thuế năm có sai sót: kê khai chi phí năm 2014 các khoản chi phí tương ứng với doanh thu tính thuế phát sinh năm 2013; Công ty đã sử dụng bất hợp pháp hóa đơn để kê khai chi phí quyết toán thuế TNDN năm dẫn đến tăng số lỗ trên tờ khai quyết toán thuế TNDN năm 2014: 2.898.631.208 đồng; và làm giảm số thuế TNDN phải nộp năm 2015 là: 32.161.365 đồng là không đúng quy định tại Điều 9 Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp (năm 2008); từ đó dẫn đến xác định thiếu số thuế phải nộp là vi phạm Điều 30 Luật Quản lý thuế

c/ Thuế Thu nhập cá nhân: Công ty đã thực hiện kê khai, quyết toán thuế TNCN theo quy định.

##### **2. Kiến nghị:**

Công ty đã có hành vi kê khai không đúng qui định dẫn đến làm giảm số thuế phải nộp, tuy nhiên các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đến các hành vi vi phạm nêu trên đã được Công ty phản ánh đầy đủ, trung thực trên sổ kế toán, trên hoá đơn, chứng từ; vì vậy sẽ được kiến nghị xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 107 Luật quản lý thuế và khoản 33 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế.

Riêng đối với việc Công ty sử dụng bất hợp pháp hóa đơn để kê khai thuế GTGT, kê khai chi phí trên tờ khai quyết toán thuế TNDN từ đó dẫn đến xác định thiếu số thuế phải nộp là đã vi phạm quy định tại Điều 23, Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính quy định về việc in, phát hành, sử dụng, quản lý hoá đơn và Điều 30, Luật Quản lý thuế vì vậy sẽ được kiến nghị xử lý vi phạm theo quy định tại Điều 108 Luật quản lý thuế



và theo khoản 2, Điều 39 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.

-Đề nghị Cục Trưởng Cục Thuế kết luận và xử lý các vi phạm nêu trên đối với Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Đề nghị Công ty có biện pháp khắc phục những thiếu sót nêu trên, thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Luật thuế, văn bản hướng dẫn hiện hành và các kết luận của Đoàn Kiểm tra.

- Yêu cầu Công ty nộp đầy đủ, kịp thời số tiền phạt khi có quyết định xử lý của cơ quan Thuế;

**V/ Ý KIẾN CỦA CÔNG TY:**

.....  
.....  
.....  
Trong quá trình thanh tra; Đoàn chỉ thanh tra chọn mẫu các tài liệu, chứng từ do Công ty cung cấp. Nếu phát sinh bất cứ vấn đề gì có liên quan đến kết quả kinh doanh do Công ty kê khai không trung thực, dẫn đến việc xác định số liệu trong biên bản này bị sai lệch thì Công ty phải chịu hoàn toàn trách nhiệm. Đoàn thanh tra không thu giữ hay làm mất một chứng từ, vật dụng nào của Công ty.

Biên bản được thông qua vào lúc 11 giờ 30 cùng ngày. Biên bản gồm có 8 trang, được lập thành 4 bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau; Công ty giữ 1 bản, Đoàn thanh tra giữ 3 bản./.

**Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng  
(nay là Công ty CP Môi trường Đô thị Đà Nẵng)**

**Tổng Giám đốc**

**Kế toán trưởng**

**Đại diện Đoàn thanh tra  
Trưởng đoàn**

**Nguyễn Văn Thành**